

Bản án số: 71/2022/HSST
Ngày 07 tháng 12 năm 2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN - LÀO CAI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lụa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Bà Vũ Thị Vẻ.

2, Đặng Hải Yên.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nông Ngọc Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thụy Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2022 ; Quyết định thay đổi hội thẩm nhân dân số 13/2022/QĐ- TA ngày 02/12/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Bàn Ông L (tên gọi khác: Không). Sinh ngày 23 tháng 5 năm 1999. Nơi sinh tại huyện VB, LC. Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn TM, xã DTh, huyện VB, LC. Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bàn Phúc M, sinh năm 1969; con bà Triệu Thị M, sinh năm 1966. Hiện trú tại thôn TM, xã DTh, huyện VB, LC. Bị cáo chưa có vợ, chưa có con. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/9/2022 đến ngày 13/9/2022. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã DTh, huyện VB, LC từ ngày 13/9/2022 đến nay; Tiền án, tiền sự: Không. Có mặt.

+) Người bị hại: Anh Phùng Ông Kh, sinh năm 1990. Người nhận ủy quyền của chị Phùng Thị M, sinh năm 1991 là anh Phùng Ông Kh, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn TM, xã DTh, huyện VB, LC. Vắng mặt có lý do.

+) Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Bàn Phúc M, sinh năm 1969; bà Triệu Thị M, sinh năm 1966. Đều có địa chỉ: Thôn TM, xã DTh, huyện VB, LC. Vắng mặt có lý do.

+) Người làm chứng: Anh Phùng Ông S, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn TM, xã DTh, huyện VB, LC. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 23 giờ ngày 06/9/2022, Bàn Ông L đột nhập vào nhà anh Phùng Ông Kh và chị Phùng Thị M thực hiện hành vi trộm số tiền 33.000.000đ. Sau đó L đi về nhà lấy giấy trắng có chữ gói số tiền 20.000.000 đồng chôn xuống đất ở phía bên trái nhà. Sáng ngày 07/9/2022 đưa cho ông Bàn Phúc M, bà Triệu Thị M 3.000.000 đồng;

chuyển vào số tài khoản 101875667428 của L số tiền 9.000.000 đồng. Đến chiều cùng ngày L nhận thức được hành vi của mình nên L đã đến Công an huyện Văn Bàn đầu thú và giao nộp lại số tiền 820.000 đồng, 01 xe mô tô Biếm kiểm soát 24B2-387.15 và 01 điện thoại di động Vivo1906 máy cũ đã bị nứt vỡ màn hình; 01 thẻ ATM ngân hàng Vietinbank mang tên Bàn Ông L.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 18/KL-ĐGTS ngày 21/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng huyện Văn Bàn, kết luận: Giá trị thiệt hại của chiếc tủ kim loại do bị cạy phá là 300.000đ.

Tại bản cáo trạng số 64/CT-VKS ngày 15/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn truy tố Bàn Ông L ra trước Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: Đại diện viện kiểm nhân dân huyện Văn Bàn viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Bàn Ông L như bản cáo trạng và đề nghị hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Bàn Ông L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bàn Ông L từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên. Giao bị cáo Bàn Ông L cho Ủy ban nhân dân xã Dân Thành, huyện Văn Bàn giám sát, giáo dục. Không áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Văn Bàn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Quá trình điều tra và tại phiên Tòa bị cáo Bàn Ông L khai nhận: Lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của chủ hữ hữu khoảng 23 giờ ngày 06/9/2022 bị cáo có hành vi trộm cắp tài sản của anh Phùng Ông Kh và chị Phùng Thị M số tiền 33.000.000 đồng.

Như vậy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Ngày 06/9/2022, bị cáo L đã thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 33.000.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản”.

Do vậy, Bản cáo trạng số 64/CT-VKS ngày 15/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn đã truy tố bị cáo Bàn Ông L về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Hội đồng xét xử đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nhất thời nông nổi xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Là người có sức khỏe, có sức lao động nhưng bị cáo thiếu rèn luyện nên có hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của anh Kh, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần có một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo vừa thể hiện tính răn đe nhưng cũng có sự khoan hồng của pháp luật để giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Bị cáo Bàn Ông L không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường toàn bộ số tiền thiệt hại 33.000.000 đồng cho người bị hại. Ngoài ra bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả cho người bị hại số tiền 17.820.000đ trong khoản tiền 18.000.000đ, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo ra đầu thú, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo giúp đỡ đưa người bị hại đến nơi con ốm nặng để đi bệnh viện cấp cứu, bị cáo không nghiện chất ma túy, có nơi cư trú rõ ràng, nơi làm việc ổn định, chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương chính sách pháp luật tại địa phương, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, h, i, s Khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên không nhất thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà giao bị cáo Bàn Ông L cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Gia đình Bàn Ông L thuộc diện hộ nghèo, bị cáo không có tài sản riêng. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Đối với ông Bàn Phúc M, bà Triệu Thị M được bị cáo đưa cho số tiền 3.000.000 đồng. Tuy nhiên ông M, bà M đều không biết nguồn gốc tiền do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 300.000đ, tiền giá trị thiệt hại của chiếc tủ kim loại do bị cáo cạy phá và số tiền 18.000.000 đồng bị cáo tác động ông M, bà M bồi thường cho người bị hại. Tuy nhiên, quá trình điều tra và chuẩn bị xét xử Tòa án đã giải thích quyền định đoạt của chủ sở hữu tài sản theo quy định tại Điều 194 Bộ luật dân sự cho anh Kh, ông M, bà M biết nhưng anh Kh, ông M, bà M có ý kiến, thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, không có tài sản gì và bị cáo không có tài sản riêng nên anh Kh cho bị cáo số tiền 300.000 đồng tiền giá trị thiệt hại của chiếc tủ kim loại; ông M, bà M cho bị cáo số tiền 18.000.000 đồng không yêu cầu bị cáo bồi thường về phần dân sự. Xét

yêu cầu của anh Kh, ông M, bà M là hoàn toàn tự nguyện. Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

[8] Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động Vivo1906, số Imei 1: 860749056794036, số Imei 2: 860749056794028 bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội nên cần tịch thu phát mại để nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 thẻ ATM ngân hàng Vietinbank, số thẻ 9704 1501 2654 2870 mang tên Bàn Ông L; số tiền 32.820.000 đồng và 01 con dao có tổng chiều dài 43cm, loại dao 01 lưỡi có mũi nhọn là của anh Phùng Ông Kh; 01 xe mô tô Wave màu sơn đỏ-đen-bạc, BKS 24B2 - 387.15, số máy JA39E0571890, số khung 3903HY596692, 01 chiếc xăng có tổng chiều dài 1,48m, phần cán gỗ dài 1,3m, phần lưỡi xăng bằng kim loại kích thước dài 42x23x0,1cm của ông Bàn Phúc M. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Bàn đã điều tra làm rõ các tài sản trên nên đã trả lại cho bị cáo tại biên bản trả lại đồ vật ngày 04/11/2022; trả cho anh Kh vào ngày 19/9/2022 và ngày 02/11/2022; trả cho ông M vào ngày 03/11/2022 là có căn cứ và không có yêu cầu gì khác. Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Bàn Ông L, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm h, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bàn Ông L 01(một) năm 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên. Giao bị cáo Bàn Ông L cho Ủy ban nhân dân xã Dền Thàng, huyện Văn Bàn giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu phát mại 01 điện thoại di động Vivo1906, số Imei 1: 860749056794036, số Imei 2: 860749056794028 thu giữ của bị cáo Bàn Ông L đã qua sử dụng để nộp ngân sách nhà nước (chi tiết vật chứng nêu trên như tại biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Bàn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn ngày 16/11/2022).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Bàn Ông L phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo Bản án: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai (01);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai (01);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn (01);
- Công an huyện Văn Bàn (02);
- Bị cáo (01);
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Sở tư pháp tỉnh Lào Cai (01);
- THAHS, THADS huyện Văn Bàn ;
- V.Phòng, C.Ấn, T.Phán (03).
- Lưu H.sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lụa